

THÔNG BÁO

**Về việc thí sinh tuyển bổ sung vào lớp chuyên Lịch sử
Trường THPT chuyên Trần Hưng Đạo - Năm học 2021- 2022**

Căn cứ Thông báo số 217/TB-THPTC-THĐ ngày 26 tháng 6 năm 2021 về việc tuyển bổ sung vào lớp 10 chuyên Lịch sử Trường THPT chuyên Trần Hưng Đạo - Năm học 2021- 2022;

Căn cứ ý kiến của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 223/TTr-THPTC-THĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 về việc phương án xét tuyển sinh vào lớp 10 Trường THPT chuyên Trần Hưng Đạo - Năm học 2021- 2022;

Nay Trường THPT chuyên Trần Hưng Đạo thông báo danh sách thí sinh được tuyển bổ sung thí sinh vào lớp chuyên Lịch sử như sau:

1. Tiêu chuẩn:

a) Thí sinh có đơn xin xét tuyển bổ sung và cam kết.

b) Có tổng số điểm các bài thi môn không chuyên (Ngữ văn, tiếng Anh, Toán) và một môn chuyên có điểm cao nhất (không nhân hệ số) **đạt từ 28,25 điểm trở lên**. Trong đó không có bài thi nào điểm từ 2,00 trở xuống.

c) Điểm trung bình môn (ĐTBm) Lịch sử cuối năm học lớp 9 đạt từ 7,0 trở lên.

2. Số lượng được tuyển bổ sung: Gồm 18 thí sinh có danh sách đính kèm.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Phòng TCCB&QLCLGD (để báo cáo)
- HT, các PHT;
- Đăng tải trên Website của Trường;
- Lưu: VP, HSTS.



HIỆU TRƯỞNG

Dương Đức Tuấn

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
BỔ SUNG LỚP CHUYÊN LỊCH SỬ
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2021-2022
(Kèm theo Thông báo số 225/TB-THPTC-THĐ ngày 02/7/2021)

STT	SBD	Họ và tên	Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Chuyên	Tổng điểm	
1	250730	Nguyễn Khoa Như	Tuyết	8.50	7.50	8.50	4.75	29.25
2	250469	Võ Đình Trúc	Như	8.50	6.75	7.75	5.75	28.75
3	250586	Trần Nguyễn Phước	Thịnh	7.75	7.75	7.25	6.00	28.75
4	250635	Võ Nguyễn Đan	Thy	8.75	6.50	7.00	6.50	28.75
5	250636	Lê Cao Thủy	Tiên	7.50	7.25	8.75	5.25	28.75
6	250768	Lý Triệu Uyên	Vy	8.75	8.00	7.75	4.25	28.75
7	250051	Đặng Hoàng Thiên	Bảo	7.50	9.00	8.75	3.40	28.65
8	250450	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	7.00	8.50	9.50	3.60	28.60
9	250712	Nguyễn Ngô Minh	Tú	7.00	7.75	9.50	4.30	28.55
10	250097	Ngô Uyên Phương	Doanh	7.75	6.75	9.50	4.50	28.50
11	250150	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	7.75	7.50	9.25	4.00	28.50
12	250306	Trần Hoàng	Lam	8.00	7.50	7.25	5.75	28.50
13	250167	Trần Thị Mỹ	Hạnh	6.25	8.00	9.50	4.50	28.25
14	250271	Trương Xuân	Khiêm	7.50	8.75	8.00	4.00	28.25
15	250404	Võ Thị Minh	Ngọc	8.00	8.25	8.25	3.75	28.25
16	250438	Phạm Thành	Nhân	7.25	8.25	8.00	4.75	28.25
17	250447	Đặng Song	Nhi	6.50	7.75	8.25	5.75	28.25
18	250662	Phạm Trần Phương	Trâm	7.50	7.50	8.25	5.00	28.25